# BẢN KIỀU NÔM CỔ NHẤT PHÁT HIỆN Ở NGHỆ AN

***(Nhân kỷ niệm 200 năm, Ngày mất Đại thi hào Nguyễn Du (1820-2020))***

■ **Đào Tam Tỉnh**

Bản *Truyện Kiều* Nôm cổ nhất cho đến nay được gia đình thầy Nguyễn Thế Quang (cháu nội của Cử nhân Nguyễn Thế Cát) lưu giữ ở xã Thanh Tường, huyện Chương, tỉnh Nghệ An. Sách in mộc bản trên giấy dó, khổ sách 13x19cm. Trang tên sách có ghi mô tả như sau: *Tiên Điền Lễ Tham Nguyễn Hầu soạn. Kim Vân Kiều tân truyện - Liễu Văn Đường tàng bản - Tự Đức thập cửu niên trọng Xuân tân san*. *Tiên Điền Lễ Tham Nguyễn Hầu soạn*, tức Nguyễn Du chức Tham tri bộ Lễ, tước Du Đức hầu ở làng Tiên Điền soạn [tác giả]. *Tự Đức thập cửu niên trọng Xuân tân san*, tức niên hiệu vua Tự Đức năm thứ 19 (tháng 2 năm 1866) khắc in. *Liễu Văn Đường tàng bản*, tức nhà Liễu Văn Đường in và lưu giữ bản quyền. Vua Tự Đức lên ngôi năm 1848, thay vua Thiệu Trị và tại vị cho đến năm 1883 (35 năm tại vị).

Cho đến nay, đây là bản *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm (Quốc ngữ) cổ nhất được in từ mộc bản (chữ khắc trên gỗ) phát hiện được ở Nghệ An. Các nhà Kiều học còn gọi là Bản Kiều Nôm cổ 1866, hay Bản Kiều Liễu Văn Đường 1866.

Trước khi phát hiện bản Kiều này, các nhà Kiều học và nghiên cứu *Truyện Kiều* ở nước ta đã dành nhiều tâm sức đi tìm các bản *Truyện Kiều* Nôm cổ để nghiên cứu và mong muốn khôi phục lại một bản *Truyện Kiều* gần với nguyên tác nhất của Nguyễn Du, vì vẫn chưa tìm thấy bản nguyên tác bút tích của Hầu Tham tri bộ Lễ. Kết quả tìm kiếm cũng rất khả quan: Nhà Kiều học Nguyễn Quảng Tuân đã tìm được bản Kiều Nôm do Liễu Văn Đường tàng bản, nhưng lại khắc in năm Tự Đức 24 (1871), Nxb Văn học và Trung tâm Nghiên cứu Quốc học thành phố Hồ Chí Minh, xuất bản năm 2002 với tên sách ghi: *Nguyễn Du. Truyện Kiều. Bản Nôm cổ nhất - Liễu Văn Đường (1871)* và do Nguyễn Quảng Tuân phiên âm, khảo đính; Năm 2003, NXB Văn học và Trung tâm Quốc học lại xuất bản tiếp *Truyện Kiều*, có nhan đề *Nguyễn Du. Truyện Kiều* (*Đoạn trường tân thanh). Bản Kinh đời Tự Đức 1870* có ghi chú ở trang gấp của bìa *do Lâm Nọa Phu*[1] *chép tay năm 1870 là bản Kinh quí hiếm* (bản ở Kinh đô Huế đời Tự Đức, năm Canh Ngọ (1870), cũng Nguyễn Quảng Tuân phiên âm và khảo dị. Một bản Kiều Nôm cổ khác in năm 1872 của nhà Duy Minh Thị, do GS Nguyễn Tài Cẩn phát hiện, phiên âm và khảo đính. Các bản Kiều do Nguyễn Quảng Tuân và Nguyễn Tài Cẩn đều phát hiện ở nước ngoài là Anh, Pháp, Mỹ là xu hướng đi tìm các bản Kiều Nôm cổ ở ngoại quốc. Như vậy, các bản Kiều này không thể cổ bằng bản *Truyện Kiều* Liễu Văn Đường - Tự Đức 19 (1866) tìm thấy ở

ngay trên quê hương xứ Nghệ của Đại thi hào Nguyễn Du.

Tìm về nơi xuất xứ lưu giữ *Truyện Kiều* (1866) ở gia đình Cử nhân Nguyễn Thế Cát, được biết: Cụ Nguyễn Thế Cát sinh năm 1855, mất năm 1937, quê xã Đại Đồng, nay là xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Cụ là con cụ Giáo Nguyễn, tên hiệu Doanh Châu, Kính Trai, thụy là Vĩnh Am Tiên Sinh. Theo gia phả và văn bia tại nhà thờ thì *Tiên sinh tính điềm đạm ôn nhã, ham đọc sách, lúc còn trẻ tuổi nổi tiếng văn đàn*. Năm Mậu Dần - Tự Đức 31 (1878) thi đậu Cử nhân, làm quan đến Phụng thành Đại phu, Hàn lâm viện Thị giảng, từng được cử đi chấm thi ở các trường thi Hương ở Kinh (Huế) và các tỉnh. Tiên sinh về quê mở trường dạy học, Nho sinh theo học rất đông, có nhiều học trò đậu đạt, thành danh là Tiến sĩ, Cử nhân, Tú tài… Trong đó, tiêu biểu như Song nguyên (Hội nguyên, Đình nguyên) Vương Hữu Phu (đậu năm 1910); Phó bảng Nguyễn Thúc Dinh (đậu 1909); Phó bảng Lê Trọng Phiên (đậu 1910)… Sau khi thầy Nguyễn Thế Cát mất, các học trò đồng môn đã quyên góp tiền của dựng bia ghi công ơn của thầy (nay ở tại nhà thờ Nguyễn Thế Cát, xã Thanh Tường). Trường học của thầy Nguyễn Thế Cát là nơi lui tới của nhiều Nho sĩ và Sĩ phu xứ Nghệ và các nơi khác, trong đó có cụ Nghè Mai là cháu của Thi hào Nguyễn Du. Nhà và trường học của Nguyễn Thế Cát cũng là một thư viện lưu trữ nhiều sách quí phục vụ cho việc dạy/học và đọc sách của Nho sinh trong vùng. Tiên sinh cũng là tác giả có tiếng của các tập thơ văn, câu đối, nay còn lưu lại sách *Đại Đồng tổng Hương Hội khoa lục* (sách chép về những người thi đậu khoa bảng Hương - Hội của cả tổng Đại Đồng). Trong số sách chữ Nho còn lưu lại đến nay, rất may mắn còn lại bản *Truyện Kiều* Nôm Liễu Văn Đường (1866). Bản Kiều này được đóng chung trong 3 tác phẩm văn học thời Trung đại, tác phẩm đầu còn 45 trang nhưng mất đầu đề (?), ở giữa là bản *Truyện Kiều* và tiếp theo sau là tác phẩm *Ngọc Hoa cổ tích truyện.*

Xin giới thiệu mấy nét cá biệt của bản Kiều (1866) và một số khác biệt về câu chữ so với một số bản Kiều Kiều Nôm khác. Bản Kiều (1866), trang ghi bài *Thi vân* (Bài tựa bằng thơ Đường luật thất ngôn bát cú) đề của Lương Đường Phạm Tiên Sinh (tức danh sĩ Tiên sinh Phạm Quý Thích):

**Thi vân**

*Giai nhân bất thị đáo Tiền Đường*
*Bán thế yêu hoa trái vị thường*
*Ngọc điện khởi ưng mai thủy quốc*
*Băng tâm tự khả đối Kim lang*
*Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu*
*Bạc mệnh cầm chung oán hận trường*
*Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy*
*Tân thanh đáo để vị thùy thương.*

Lương Đường Phạm Tiên Sinh soạn.

**Tạm dịch:**

**Thơ rằng**

Giai nhân ví chẳng đến sông Tiền
Cái nợ khói sương khéo chửa đền
Mặt ngọc nỡ đành gieo đáy nước
Lòng trinh nghĩ chẳng thẹn chàng Kim
Đoạn trường tỉnh mộng duyên đà dứt
Bạc mệnh ngưng đàn hận chẳng quên
Một mảy tài tình lay lắt mãi
Khen ai vui chuyện đặt cho nên.

Nguyễn Khắc Bảo[(2)]

Ngoài trang *Thi vân*, bản Kiều 1866 còn lại đúng 100 trang, trong đó 99 trang, mỗi trang in 24 câu thơ lục bát truyền thống, riêng trang cuối cùng có 14 câu. *Truyện Kiều* của Nguyễn Du có tổng cộng 3.254 câu, nhưng bản Kiều (1866) chỉ còn lại 2.390 câu, tức bị xé mất 36 trang = 864 câu. Thật là đáng tiếc!

Bản *Truyện Kiều* Liễu Văn Đường, Tự Đức 19 (1866) có ích rất nhiều cho các nhà Kiều học nước ta, vì trong bản này có nhiều từ, câu khác hẳn với các bản in về sau. Chúng tôi xin trích dẫn sự khác biệt đó trong một số câu đầu và một trang cuối sách với bản *Đoạn trường tân thanh* của nhà Kiều Oánh Mậu in năm Thành Thái - Nhâm Dần (1902) và một số bản Kiều Nôm khác.

Bản Kiều (1866) xin được dẫn trước, còn bản năm

1902 và bản khác xin dẫn sau và để trong ngoặc đơn. Các chữ để so sánh in nghiêng và đậm:

Câu 5: ***Lạ chi*** bỉ sắc tư phong/ (***Lạ gì*** bỉ sắc tư phong).

Câu 21: Hoa cười ngọc ***thốt*** đoan trang/ (Bản 1902: ***nói***).

Câu 25: Làn thu thủy ***thấp*** xuân sơn/ (Bản 1902 = ***vết***, bản khác = ***nét***).

Câu 71: Buồng không ***lạnh ngắt*** như tờ/ (Bản 1902 = ***lặng ngắt***).

Câu 74: Khéo vô duyên ***bấy*** là mình với ta/ (Bản 1902 = ***mấy***).

Câu 75: Đã không duyên trước ***chăng*** mà/ (1902 = ***đành***).

Câu 76: Thì chi chút ***ước*** gọi là duyên sau/ (1902 = ***đích***).

Câu 78: ***Bụi nồng*** một nấm gọi là cỏ hoa/ (Bản 1902 = ***Bụi hồng***. Bản do Nguyễn Quảng Tuân khảo đính và chú giải, H., KHXH, 1995 thì in là ***Vùi nông***).

Câu 84: ***Lời là phận bạc*** cũng là lời chung/ (Bản 1902 = ***Lời rằng bạc mệnh***).

Câu 85: Phũ phàng chi ***bấy*** hóa công/ (1902 = ***mấy***).

Câu 87: Sống làm vợ ***khắp*** người ta/ (1902 = ***chắp***).

Câu 96: ***Sụp ngồi và gật*** trước mồ bước ra/ (Bản của Nguyễn Thạch Giang - Trương Chính, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 2000 = ***Sụp ngồi đạt cổ***).

Câu 98: Gió ***hiêu hiêu*** thổi một vài bông lau/ (1902 = ***hưu hưu***).

Câu 99: ***Rút trâm*** sẵn giắt mái đầu/ (1902 = ***Chiếc trâm***).

Câu 100: Vạch da cây vịnh ***bốn câu ba vần***/ (1902 = ***ba câu bốn vần***).

Câu 102: Lại càng ***đứng lặng tần ngần chẳng ra***/ (1902 = ***đứng sững tần ngần chửa ra***).

Câu 104: ***Sầu tuôn đứt nối*** châu sa vắn dài/ (Bản Quan Văn Đường 1906 = ***Sầu tuôn lai láng***)…

Do khuôn khổ bài viết, chúng tôi chưa thể chú giải hết các từ ngữ và câu khác biệt của bản Kiều (1866) với các bản Kiều khác.

Thật may mắn, do chỗ thân quen được thầy Nguyễn Thế Quang[3], cháu nội Cử nhân Nguyễn Thế Cát dạy bộ môn Văn học ở trường Huỳnh Thúc Kháng đưa cho xem một số sách, tài liệu chữ Hán Nôm mà gia đình còn lưu giữ được, trong đó có cuốn *Truyện Kiều* in năm 1866. Khi phát hiện ra đây là bản Kiều Nôm cổ nhất được phát hiện cho đến nay, tôi hết sức vui mừng và xin phép thầy cho phô tô một bản. Thầy lại khuyến khích và cho phép tôi được là người giới thiệu với công chúng, bạn đọc đầu tiên cuốn Kiều này. Tôi dự định đọc kĩ và khảo đính so sánh bản này với các bản Kiều khác đã in về sau, nhưng lực bất tòng tâm, vì trình độ chữ Nôm không có và thời gian bận bịu nhiều công việc quá không thể tập trung thực hiện được dự định của mình. Tôi liền phô tô mấy bản gửi cho các nhà Kiều học nổi tiếng mong họ nghiên cứu được tốt hơn và in ra để giới thiệu với bạn đọc. Được nhà Kiều học Nguyễn Khắc Bảo (người sưu tầm được nhiều bản Kiều Nôm nhất Việt Nam với 43 bản) ở Bắc Ninh và Tiến sĩ Ngôn ngữ học Nguyễn Trí Sơn quan tâm nhiệt tình, đã bỏ thời gian vào Vinh cùng tôi, anh Phan Thắng (Tổng Biên tập Tạp chí Văn hóa Nghệ An), anh Nguyễn Hữu Mùi (Phát hành sách Nghệ An) bàn bạc việc tổ chức phiên âm, chú khảo và in sách. Vậy là *Truyện Kiều. Bản Liễu Văn Đường cổ nhất (Tự Đức thập cửu niên trọng Xuân tân san) tháng 2 - 1866)* /Nguyễn Khắc Bảo - Nguyễn Trí Sơn phiên âm và khảo đính 10 bản Kiều Nôm cổ (in nguyên cả phần chữ Nôm trước phần phiên âm Quốc ngữ); Đào Tam Tỉnh viết *Lời giới thiệu* - NXB Nghệ An, 2004 được in ra sớm nhất tại Nghệ An. Tôi cũng đã gửi cho nhà

**Bản Kiều cổ năm 1866 (Kim Vân Kiều Tân truyện - Liễu Văn Đường khắc in năm Tự Đức 19 (1866)**

**Truyện Kiều - truyện thơ nổi tiếng và xét vào hàng kinh điển trong văn học Việt Nam**

Kiều học Nguyễn Quảng Tuân trong thành phố Hồ Chí Minh một bản (sau ông trực tiếp xin thêm 1 bản ở Khu Di tích Nguyễn Du) và cũng được ông phiên âm, khảo đính, được Trung tâm nghiên cứu Quốc học thành phố Hồ Chí Minh xuất bản và in cùng năm 2004. Nhà Kiều học Nguyễn Thế Anh, quê ở Thanh Chương, dạy học ở Đại học Ngoại thương Hà Nội, nghỉ hưu cũng đã phiên âm và khảo đính bản Kiều 1866 và được in năm 2010 (Nguyễn Du. *Truyện Kiều. Bản Nôm Tự Đức thứ 19/Thế Anh phiên âm và khảo đính - H., Văn học, 2010*). Các nhà Kiều học và nhà nghiên cứu *Truyện Kiều* đã có nhiều bài viết về bản Kiều Nôm 1866 này, chứng tỏ rất được bạn đọc và các nhà phê bình lí luận quan tâm đặc biệt.

*Truyện Kiều - Liễu Văn Đường (1866 )* đã được Khu Di tích Nguyễn Du xin phép gia đình thầy Nguyễn Thế Quang cho đưa vào trưng bày tại Phòng trưng bày sách, tài liệu của Nguyễn Du và viết về Nguyễn Du đúng nơi trang trọng nhất. Thật đúng là *châu về Hợp Phố* thật ngoạn mục khi sau bản Kiều Nôm (1866) xuất hiện thì UNESCO có Quyết định công nhận Đại thi hào Nguyễn Du là *Danh nhân văn hóa Thế giới.* Nhân kỷ niệm 200 năm mất Đại thi hào Nguyễn Du, xin giới thiệu cuốn sách này như một nén tâm hương tri ân Đại thi hào - Danh nhân văn hóa thế giới và dân tộc Việt Nam./.

**Chú thích:**

(1) Lâm Nọa Phu: Tên hiệu của Nguyễn Hữu Lập (1824 - ?), quê ở làng Trung Cần, nay thuộc xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 27 tuổi đậu Giải nguyên, 39 tuổi đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ (Hoàng giáp) khoa Nhâm Tuất - Tự Đức 15 (1862). Làm quan Huấn đạo huyện Can Lộc, Hàn lâm viện, Chánh sứ sang nhà Thanh, về thăng Tham tri Binh bộ.

(2) Nguyễn Khắc Bảo, nay UVBCH Hội Kiều học Việt Nam, là Chủ tịch Hội Kiều học Bắc Ninh, người sưu tầm được nhiều bản Kiều Nôm cổ nhất Việt Nam; có nhiều công trình nghiên cứu và bản phiên âm Kiều Nôm đã xuất bản.

(3) Nguyễn Thế Quang, sinh năm 1942, quê xã Thanh Tường, huyện Thanh chương, cháu nội Cử nhân Nguyễn Thế Cát, hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Tác phẩm: *Nguyễn Du*. H., Hội Nhà văn, 2010, Giải thưởng Hồ Xuân Hương lần thứ IV; *Khúc hát những dòng sông*.-H., Hội Nhà văn, 2012, 2013.- Giải C: Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, 2013; *Thông reo ngàn Hống*.- NXB Trẻ, 2015, 2018 - Giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam, 2015 *Đường về Thăng Long*.- NXB Tổng hợp Tp. HCM, 2019. Ông đã được tặng giải thưởng Văn học nghệ thuật Đông Nam Á (nhận giải tại Thái Lan 2019).